

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY03015: VỆ SINH THÚ Y 2
(VETERINARY HYGIENE 2)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 9
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5 – Tự học 6)
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 16 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 6 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (*theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên*)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Thú y Cộng đồng
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: TY03014 - Vệ sinh thú y 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chuyên môn	
CDR3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.4. Áp dụng kiến thức thú y vào việc nâng cao sức khỏe vật nuôi.
CDR4. Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.2. Xây dựng chiến lược phòng chống bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.
Kỹ năng chung	
CDR5. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả.	5.3. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề,

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
	nhận biết khi nào và bằng cách nào thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề.
Kỹ năng chuyên môn	
CDR9. Tư vấn về kỹ thuật, công nghệ và kinh doanh trong lĩnh vực thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế với sự cân nhắc về sự an toàn cho con người, sức khỏe vật nuôi và môi trường sinh thái.	9.1. Tư vấn về kỹ thuật thú y theo định hướng mang lại lợi ích kinh tế.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR13. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật.	13.1. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua công tác thú y.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng cho vật nuôi, vệ sinh vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, vệ sinh phòng chống dịch bệnh động vật, vệ sinh quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi, từ đó có thể rút ra những ứng dụng trong thực tế sản xuất nhằm mục đích nâng cao năng suất chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh động vật, bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện quy trình kiểm tra một số chỉ tiêu vi sinh vật đối với thức ăn chăn nuôi, kỹ năng sử dụng một số trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, kỹ năng phân tích và đánh giá kết quả định lượng một số chỉ tiêu vi sinh vật trong thức ăn chăn nuôi.
- Học phần giúp cho sinh viên nhận thức rõ và nghiêm túc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua công tác thú y.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		3.4	4.2	5.3	9.1	13.1
TY03014	Vệ sinh thú y 2	M	M	M	M	M

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được		Chỉ báo CDR của CTĐT
	Kiến thức	Kỹ năng	
K1	Áp dụng kiến thức về vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng, vệ sinh vận chuyển động vật và sản phẩm động vật để phòng bệnh về dinh dưỡng, phòng bệnh trong quá trình vận chuyển và nâng cao sức khỏe vật nuôi.		3.4
K2	Đề xuất các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật và xử lý chất thải chăn nuôi dựa trên cơ sở các quy định hiện hành.		4.2
Kỹ năng chung			

K3	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo trong đánh giá, giải quyết vấn đề liên quan đến vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, phòng chống dịch bệnh động vật và xử lý chất thải chăn nuôi.	5.3
Kỹ năng chuyên môn		
K4	Tư vấn về chất lượng thức ăn chăn nuôi về mặt vi sinh vật dựa trên việc phân tích và đánh giá kết quả kiểm tra một số chỉ tiêu vi sinh vật đối với thức ăn chăn nuôi.	9.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua công tác thú y	13.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03015. Vệ sinh thú y 2 (2TC:1,5-0,5-6)

Nội dung: Học phần này gồm các nội dung chính sau: vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng, vệ sinh vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, vệ sinh phòng chống dịch bệnh động vật, vệ sinh quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi. **Phương pháp giảng dạy:** thuyết giảng, tổ chức lớp học theo nhóm, giảng dạy thực hành. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần 10%, thuyết trình 15%, kiểm tra giữa kì 15%, thực hành đạt, thi cuối kì 60%.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	x	x			x
Tổ chức lớp học theo nhóm	x	x	x		x
Giảng dạy thông qua thực hành				x	

2. Phương pháp học tập

Tham dự lớp, nghe giảng lý thuyết, làm việc nhóm xây dựng bài thuyết trình, thảo luận trên lớp, tham gia thực hành.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung bài giảng trước khi đến lớp.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm.
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia chuẩn bị chuyên đề thuyết trình và thảo luận trên lớp.
- Thi giữa kỳ: trong quá trình học lý thuyết sẽ có 01 bài kiểm tra thời gian từ 10 đến 30 phút, hình thức trắc nghiệm.
- Thi cuối kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm bài kiểm tra cuối kỳ.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. *Thang điểm: 10*

2. *Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric*

3. *Phương pháp đánh giá*

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Chuyên cần (10%)					x	1-7
Rubric 2. Thuyết trình (15%)	x	x	x		x	2-7
Rubric 3. Thực hành (0%)				x		Theo lịch của Học viện
Kiểm tra giữa kì (15%)	x					4
Đánh giá cuối kì (60%)						
Thi cuối kì (60%)	x	x			x	Theo lịch của Học viện

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	9,1- 10 điểm	9 điểm	8 -8,9 điểm	7-7,9 điểm	< 7 Không đủ điều kiện thi cuối kỳ)
Thời gian tham dự lớp và thái độ học tập	- Tham dự đủ các buổi học trên lớp và thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài	Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau: - Tham dự đủ các buổi học trên lớp và thực hành - Nghỉ 1 buổi học trên lớp (2-3 tiết), tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài	Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau: - Nghỉ 1 buổi học trên lớp, tham dự đủ các buổi thực hành - Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài	- Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các buổi thực hành	1 trong hai điều kiện sau: - Nghỉ quá 25% số buổi học trên lớp (trên 2 buổi) - Không tham dự đủ các buổi thực hành
<i>Ghi chú: Sinh viên đi muộn 1 buổi trừ 0,5 điểm chuyên cần</i>					

Rubric 2. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt (8,5 - 10 điểm)	Khá (7 - 8,4 điểm)	Trung bình (4 - 6,9 điểm)	Kém (< 4 điểm)
Nội dung	25%	Đầy đủ, chính xác và khoa học	Thiếu sót nhỏ, một số điểm chưa chính xác, khoa học	Thiếu vài nội dung quan trọng, một số điểm chưa chính xác, khoa học	Thiếu nhiều nội dung quan trọng, không chính xác, không khoa học
Cấu trúc và tính trực quan	25%	Cấu trúc bài hợp lý, trình bày đẹp	Cấu trúc bài khá hợp lý, trình bày khá đẹp	Cấu trúc bài còn một số điểm chưa hợp lý, trình bày chưa đẹp	Cấu trúc bài không hợp lý, trình bày xấu
Kỹ năng trình bày	25%	Trình bày rõ ràng, lôi cuốn, thuyết phục, hoàn thành đúng thời gian	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, thuyết phục, hoàn thành đúng thời gian	Trình bày chưa rõ ràng lôi cuốn nhưng người nghe vẫn hiểu được các nội dung quan trọng, hoàn thành đúng thời gian	Trình bày không rõ ràng, người nghe không hiểu được các nội dung quan trọng, quá giờ
Trả lời câu hỏi	25%	Trả lời được đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời được đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng đa số các câu hỏi	Trả lời được nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng các câu hỏi	Không trả lời được các câu hỏi

Rubric 3. Đánh giá thực hành

Kiểm tra thực hành: hình thức vấn đáp và thực hiện trực tiếp (Xét đạt hay không đạt)

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Tham dự	- Tham dự đủ 100% các buổi thực hành	- Không tham dự đủ 100% các buổi thực hành
Thao tác thực hiện, kỹ năng sử dụng máy móc	- Thực hiện thành thực quy trình phân tích, sử dụng được các máy móc	- Không thực hiện được quy trình phân tích, không sử dụng được các máy móc
Phân tích, đánh giá kết quả	- Phân tích, đánh giá đúng kết quả thu được	- Đánh giá sai kết quả thu được

Ghi chú: Xếp loại đạt khi đạt các tiêu chí nêu trên.

Kiểm tra giữa kì

Hình thức kiểm tra: trắc nghiệm

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Phân biệt được các chất độc, tác nhân ô nhiễm trong nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi (đặc điểm, tác động, biện pháp kiểm soát) Chỉ báo 2: Xác định được các bệnh do thiếu hụt các nguyên tố khoáng trong khẩu phần ăn

Thi cuối kì

Hình thức thi: Tự luận

Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần dành cho thi cuối kỳ

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	- Chỉ báo 1: Đề xuất các biện pháp vệ sinh kiểm soát tạp chất và thành phần có độc, vệ sinh kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật và ký sinh trùng trong thức ăn chăn nuôi, các biện pháp phòng bệnh do khẩu phần ăn mất cân bằng dinh dưỡng - Chỉ báo 2: Phân tích quy định về vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển động vật
K2	- Chỉ báo 1: Đề xuất biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật - Chỉ báo 2: Đề xuất một số phương pháp quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi
K5	- Chỉ báo 1: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người thông qua vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, phòng chống dịch bệnh động vật và xử lý chất thải chăn nuôi

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự các bài thi, bài kiểm tra: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ nhận điểm 0
- Sinh viên không tham dự đủ các buổi thực hành sẽ không đủ điều kiện dự thi cuối kỳ.
- Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải có ý thức học tập, tôn trọng thầy cô, bạn bè; thực hiện đúng các nội quy, không gian lận trong học tập (VD: điểm danh hộ) và thi cử (VD: sử dụng tài liệu hay vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi bài trong giờ thi), nếu không chấp hành sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Đỗ Ngọc Hòe & Nguyễn Minh Tâm (2005). Giáo trình vệ sinh vật nuôi. NXB Hà Nội. 81 tr.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Huỳnh Thị Mỹ Lê, Nguyễn Văn Giáp, Đặng Hữu Anh, Lê Văn Phan (2021). Giáo trình truyền nhiễm thú y. NXB Nông nghiệp.

*** Các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:**

1. Vũ Thị Thu Trà, Phạm Hồng Ngân, Lại Thị Lan Hương, Bùi Thị Hương, Hoàng Anh Hào, Phạm Thanh Lan, Nguyễn Phương Thúy, Nguyễn Thị Trâm. 2021. Đánh giá mức độ ô nhiễm vi sinh vật trong thức ăn chăn nuôi gà tại các trang trại thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội. Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y, XXVIII(5).
2. Vũ Thị Thu Trà, Phạm Hồng Ngân, Lại Thị Lan Hương, Cam Thị Thu Hà & Vũ Thị Huyền Trang. 2020. Khảo sát thực trạng áp dụng an toàn sinh học ở các trang trại chăn nuôi gà tại huyện Đông Anh, Hà Nội. Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y, XXVII(6), 73-77.
3. Vũ Thị Thu Trà, Phạm Hồng Ngân, Cam Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Thị Trang (2019). Các phương pháp xử lý xác động vật theo khuyến cáo của FAO. Tạp chí Khoa học kỹ thuật thú y, XXVI(6), 83-86.
4. Phạm Hồng Ngân, Dương Văn Nhiệm, Vũ Thị Thu Trà, Ngô Minh Hà, Đinh Phương Nam, Unger Fred. 2016. Áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn ở Hưng Yên và Nghệ An. Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y, XXIII(1), 79-84.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1, 2, 3	<p>Chương 1. Vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Mục đích, ý nghĩa của vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng 1.2. Một số nguyên tắc về vệ sinh thức ăn và dinh dưỡng 1.3. Vệ sinh nguyên liệu thức ăn, kiểm soát ô nhiễm tạp chất và thành phần có độc 1.4. Vệ sinh nguyên liệu thức ăn để phòng ô nhiễm vi sinh vật và ký sinh trùng 1.5. Vệ sinh cấu tạo khẩu phần <p>Nội dung thảo luận, thuyết trình: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi - Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi và kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi <p>Nội dung giảng dạy thực hành: (8 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí trong thức ăn chăn nuôi - Phương pháp xác định coliforms tổng số trong thức ăn chăn nuôi <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (48 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu, bài giảng 	K1, K3, K4, K5
4	<p>Chương 2. Vệ sinh vận chuyển động vật và sản phẩm động vật</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p>	K1, K3, K5

	<p>2.1. Mục đích, ý nghĩa của vệ sinh vận chuyển động vật và sản phẩm động vật</p> <p>2.2. Quy định về vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật</p> <p>2.3. Các hình thức vận chuyển</p> <p>2.4. Chuẩn bị trước khi vận chuyển</p> <p>2.5. Chăm sóc trong quá trình vận chuyển</p> <p>2.6. Vệ sinh khử trùng tiêu độc trước và sau khi vận chuyển</p> <p>2.7. Những ảnh hưởng do quá trình vận chuyển gây ra</p>	
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu, bài giảng 	
5, 6	<p>Chương 3. Vệ sinh phòng chống dịch bệnh động vật</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Mục đích, ý nghĩa của vệ sinh phòng chống dịch bệnh động vật 3.2. Nguyên lý của việc phòng chống dịch bệnh 3.3. Công tác phòng bệnh phòng dịch 3.4. Công tác chống dịch bệnh <p>Nội dung thảo luận, thuyết trình: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng biện pháp an toàn sinh học ở trang trại chăn nuôi - Tiêm vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu, bài giảng 	K2, K3, K5
7	<p>Chương 4. Vệ sinh quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Mục đích, ý nghĩa của vệ sinh quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi 4.2. Phân loại chất thải chăn nuôi 4.3. Ảnh hưởng của chất thải chăn nuôi 4.4. Một số phương pháp quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi <p>Nội dung thảo luận, thuyết trình: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi hiện nay - Các phương pháp xử lý xác động vật <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu, bài giảng 	K2, K3, K5

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối Internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phản). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc thuyết trình, thảo luận của sinh viên.
- E-learning

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Minh Phú

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Anh Đào

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Thu Trà

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu Trà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0866.173.680
Email: yutra@vnua.edu.vn	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần (1)

Họ và tên: Phạm Hồng Ngân	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912.288.450
Email: phngan@vnua.edu.vn hoặc phngan2001@yahoo.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần (2)

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0981.689.696
Email: nguyentrang1611@gmail.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần (3)

Họ và tên: Hoàng Minh Đức	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: ducvetmed@yahoo.com	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

Giảng viên giảng dạy học phần (4)

Họ và tên: Cam Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Thú y cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 096.192.7288
Email: thuha462503@yahoo.com.vn	Trang web: https://khoathuy.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: Theo thứ tự ưu tiên: email - điện thoại - gặp trực tiếp	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết giảng	x	x			x
Tổ chức lớp học theo nhóm, thuyết trình	x	x	x		x
Thực hành				x	
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Chuyên cần					x
Rubric 2. Thuyết trình	x	x	x		
Rubric 3. Thực hành				x	
Kiểm tra giữa kì	x				
Thi cuối kì	x	x			x

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG

- Lần 1: 7/2018
Thêm rubric thực hành
- Lần 2: 7/2019
Thêm rubric thuyết trình
- Lần 3: 7/2020
Bổ sung nội dung thảo luận, thuyết trình ở chương 3
- Lần 4: 7/2021
Bổ sung chỉ báo trong đánh giá thi cuối kỳ
- Lần 5: 7/2022
Bổ sung tài liệu tham khảo